

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa
Tập 362

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 05.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 427 hàng thứ hai từ dưới đếm lên.

Từ câu “*hựu Di Đà Sớ Sao*”. Bắt đầu xem từ đây. “*Di Đà Sớ Sao viết, vô sanh nhẫn lược hữu nhị chủng. Nhất ước pháp, nhị ước hành. Ước pháp tắc chư vô khởi tác chi lý, giai viết vô sanh, huệ tâm an thủ, cố danh vi nhẫn*”.

Ở đây “chư” nghĩa là tất cả, tất cả các pháp của thế xuất thế gian. Dùng chân để để nói thì đích thực không có sanh diệt. Điều này ở trước kinh Hoa Nghiêm chúng ta đều đã học qua rồi. Tất cả pháp ngay tại đây ở trong một niệm, một niệm này không sanh không diệt. Ý này rất khó hiểu. Nó vốn không sanh làm gì có diệt! Đây là thật tướng các pháp. Những thứ phàm phu chúng ta thấy là hiện tượng tương tự liên tục, không có thật. Vì mỗi niệm đều không giống nhau.

Tiền sĩ Giang Bồn Thắng người Nhật làm thí nghiệm nước. Chúng tôi đến tham quan phòng thực nghiệm của ông hình như hai ba lần. Ông ta nói_Lần đầu tôi đến xem hình như là năm 2004, đến Đông Kinh để phỏng vấn. Ông ta đã làm bảy năm, đã làm thí nghiệm mười mấy vạn lần, nhưng ông nói với tôi nó không có mô hình tương đồng. Tôi nói: lời ông nói giống như trong kinh đức Phật nói. Ông ta rất kinh ngạc, ông chưa từng tiếp xúc với Phật giáo, cũng rất sợ tiếp xúc tôn giáo, sợ người ta nói ông mê tín. Vì sao không thể có hai cái tương đồng? Vì mỗi ý niệm đều độc lập riêng biệt. Như chúng ta dùng máy chụp ảnh_máy chụp ảnh chụp bằng phim cũ, giống như quay phim vậy, chiếu cuộn băng mà chúng ta chụp ra, nhất định không có hai tấm giống nhau, có thể nói là giống nhiều hơn, tuyệt đối tìm không ra hai tấm như nhau.

Chúng ta khởi ý niệm giống nhau nhưng niệm trước không như niệm sau. Lấy thí nghiệm nước mà nói, nếu dùng lòng yêu thương đối với ly nước này, nhưng lòng yêu thương của niệm trước và niệm sau không tương đồng nên kết tinh thứ nhất và kết tinh lần thứ hai không giống nhau. Đây chính là “xuất sanh

vô tận” trong Hoàn Nguyên Quán Hiền Thủ đại sư đã nói, chính là ý này. Trong Lục Tổ Đàn Kinh ngài Huệ Năng nói: “năng sanh vạn pháp”. Pháp không có định pháp, nó tùy theo ý niệm mà biến hoá. Ý niệm này chính là A lại da. Chỉ đến khi đã chuyển thức thành trí thì ý niệm đó giống nhau. Niệm trước và niệm sau giống nhau. Vì sao vậy? Vì nó là vô niệm. Vô niệm thì giống nhau, có niệm thì không giống. Chỉ có cõi thật báo trang nghiêm, có thể nói là tướng tương tục, không phải tướng tương tợ tương tục. Mọi hiện tượng trong mười pháp giới, lục đạo đều là tướng tương tợ tương tục, tuyệt đối không có tương đồng. Đây chính là “vô khởi tác chi lý”. Đây gọi là vô sanh, vô khởi tác. Có khởi tác hay không? Có tướng khởi tác, không có lý khởi tác, tức là tướng có lý không.

Về mặt lý mà nói là vô sanh, tất cả pháp không sanh, tất cả pháp là giả. Mọi người thường đọc kinh Bát Nhã, kinh Kim Cang. Người không học Phật cũng đọc kinh Kim Cang. Thời xưa người đọc sách nhất định đọc bộ kinh này. Trong kinh nói” phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Đã là hư vọng thì không nên ở tướng hư vọng này khởi phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm muốn không chế nó, muốn chiếm hữu nó. Như vậy là hoàn toàn sai lầm. Thẻ của nó đều là không, đều bất khả đắc. Từ trong đối thoại của đức Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc, chúng ta sẽ hiểu được chân tướng sự thật. Nên Chư Phật Bồ Tát ứng hoá ở thế gian, thái độ của các ngài là chính xác. Thái độ gì? Du hý nhân gian. Giống như chúng ta đi tham quan du lịch, được. Dùng thái độ này để đến thế giới tham quan du lịch, nhất định không có không chế, không có chiếm hữu. Tôi đến thế giới này chơi mấy ngày rồi đi. Ở nhà nghỉ, nhà nghỉ không phải là của tôi, nhưng tôi ở mấy ngày, tôi có quyền sử dụng nhưng không có quyền sở hữu.

Vũ trụ này, chúng ta ở đây tất cả đều phải nên quán như vậy. Chúng ta có quyền sử dụng, nhất định không có quyền sở hữu. Quý vị cho rằng là sở hữu của mình là sai, đó là vọng tưởng. Nên Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên nhưng không phan duyên, như vậy là đúng. Hiểu rõ chân tướng sự thật rồi thì tất cả đều tùy duyên. Tứ đức trong Hoàn Nguyên Quán, đức thứ nhất “tùy duyên diệu dụng”. Diệu dụng chính là đối với nó không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Tuyệt diệu! Trong tùy duyên không mất tâm thanh tịnh.

Trong kinh Vô Lượng Thọ nói “thanh tịnh bình đẳng giác”. Tùy duyên không trở ngại thanh tịnh bình đẳng giác, không mất đi thanh tịnh bình đẳng giác. Đây là chư Phật Bồ Tát ứng hoá ở thế gian. Thanh tịnh là không có chút

nhiệm trước nào, bình đẳng là không có cao thấp, giác là không có mê hoặc gọi là diệu. Diệu dụng là chỉ điều này. Đây là “huệ tâm an tử” an trong cảnh giới này. Cảnh giới này chúng ta gọi nó là tự nhiên, hiện tượng tự nhiên. Hiện tượng tự nhiên nó có thể sinh ra hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần liền có chấp trước. Khởi tâm động niệm có phân biệt, có chấp trước. Tuy rất vi tế nhưng nó đã biến chất, biến chất thì cảnh giới bên ngoài cũng thay đổi.

Nhất chân pháp giới là cõi thật báo, nó biến thành mười pháp giới. Nếu phân biệt chấp trước nặng nề hơn thì biến thành lục đạo, cực kỳ nghiêm trọng thì trở thành tam đồ, tất cả đều không có thật. Tự mình thay đổi tự mình chịu nên gọi là tự làm tự chịu. Chư Phật Bồ Tát đem chân tướng sự thật này nói với chúng ta, để chúng ta từ đây mà giác ngộ. Sau khi giác ngộ nhất định phải buông bỏ, không buông bỏ lại bị mê muội. Nên khi nhìn thấu suốt lập tức buông bỏ. Buông bỏ giúp chúng ta tiến thêm một bước nhìn thấu triệt hơn. Như vậy cảnh giới chúng ta không ngừng nâng cao. Nâng cao đến cứu cánh viên mãn đó là quả vị diệu giác. Trở về tự tánh, trở về thường tịch quang. Nên ở đây là “huệ tâm an tử”, trong cảnh giới này tuyệt đối không phải là phiền não, tâm, tâm sở trong tám thức đều không thể. Đây là đại định, vô sanh pháp nhãn là đại định, đây gọi là nhãn. Đây là đứng về pháp mà nói.

Thứ hai là trên hành mà nói. “Hành” là tu hành. Đứng về mặt công phu tu hành của chúng ta để nói. “*Tắc báo hành thuần thực*”. “Báo” là cõi báo, báo thân của Như Lai. Như Lai có ba thân là pháp thân, báo thân, ứng hoá thân. Ở đây nói về báo thân. Cõi báo là cõi thật báo trang nghiêm. Công phu tu hành chúng ta đã thuần thực. Lúc này là cảnh giới gì? Bên dưới nói “*tri minh ư lý*”. Năng chứng là trí, sở chứng là lý. Lý là tự tánh. Trong tự tánh vốn đầy đủ trí huệ đức tướng. Khi ngài Huệ Năng khai ngộ nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Đầy đủ điều gì? Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói rất hay, tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai. Mỗi chúng sanh đều có. Nên trong kinh điển đại thừa thường nói, tất cả chúng sanh vốn là Phật. Đây là thật, vốn đều là Phật. Hiện nay vì sao lại như vậy? Một câu nói của Thế Tôn đã vạch trần tất cả: “vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được”. Chính là nguyên nhân này đã làm cho chúng ta trở nên như vậy.

Chúng ta có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Trong vọng tưởng chấp trước, có phân biệt nhưng đã lược bỏ. Chúng ta lãnh hội, chúng ta học tập nhất định phải thêm vào, vọng tưởng phân biệt chấp trước nên đã trở nên như vậy, đã biến chất. Đây chính là “xuất sanh vô tận”, “năng sanh vạn pháp” chính là ý này. Bây giờ chúng ta hiểu chỉ cần buông bỏ vọng tưởng, phân biệt,

chấp trước thì thành Phật, trở về với tự tánh, chứng đắc cứu cánh viên mãn. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi là diệu giác vị, ở trên đẳng giác. Vậy ở đây “báo hành thuần thực”. Chỉ cần hàng sơ trú Bồ Tát của viên giáo là chứng được. Tuy chứng được nhưng tập khí vô thi vô minh họ chưa đoạn được. Nên chúng ta biết, 41 vị Bồ Tát trong cõi thật báo. 41 vị Bồ Tát này ở trong cõi báo, chúng ta gọi họ là Ma Ha Tát, đại Bồ Tát, pháp thân đại sĩ. 41 vị pháp thân đại sĩ, trong kinh thường dùng cách xưng hô này chính là chỉ quả vị này. Họ báo hành thuần thực. Bên dưới hoàn toàn hình dung cảnh giới của họ.

Thứ nhất là lý trí nhất như. Năng chứng là trí huệ, tự tánh vốn đầy đủ trí huệ bát nhã. Sở chứng là tự tánh. Trong kinh này nói chân thật rất ráo trong ba loại chân thật. Chân thật rất ráo chính là lý. “Vô tướng vô công” không còn chấp trước tướng. Chẳng nhưng không chấp trước mà không phân biệt, cũng không khởi tâm động niệm. Công là công dụng lúc này vô công dụng đạo. Trong cảnh giới này họ còn tập khí vô minh chưa đoạn. Có biện pháp nào đoạn nó chẳng? Không có. Vì không thể khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là có công dụng nghĩa là có tướng có công. Nên cổ nhân nói: “thử xứ dụng bất đắc lực”, nghĩa là vô tướng vô công. Dùng không đắc lực phải làm sao? Tập khí vô thi vô minh này nên đoạn như thế nào? Nó tự nhiên không còn, thời gian lâu sẽ không còn.

Người xưa dùng một ví dụ để chúng ta lãnh hội được điều này, rất khó nói, không nói ra được. Người xưa dùng một bình rượu, dùng bình rượu đầy để làm ví dụ. Rượu trong bình đã đổ sạch, thực sự không còn, đã lau chùi sạch sẽ nhưng người vẫn có mùi, đó gọi là tập khí. Tập khí này có thể đoạn trừ chẳng? Không đoạn tận được, không cách nào đoạn trừ. Phương pháp duy nhất là mở nắp bình và để vậy. Để như vậy một hai năm, sau đó người lại sẽ không còn nghe mùi nữa. Nên 41 vị pháp thân đại sĩ, tập khí của họ nhiều hay ít không giống nhau. Người mới đi, thập trú Bồ Tát rất nhiều. Thập tín vị Bồ Tát thì ít hơn một chút. Thập hồi hương càng ít hơn. Đến thập địa thì còn rất mỏng manh. Đến đẳng giác còn có nhất phẩm. Trên đẳng giác thì không còn nữa. Diệu giác vị không còn nữa. Không còn thì họ không ở trong cõi thật báo. Cõi thật báo có tướng nên không ở trong đó. Họ đi về đâu? Đến thường tịch quang. Do đó chúng ta biết rằng cõi thật báo trang nghiêm từ đâu mà có? Từ tập khí vô thi vô minh mà có. Có tập khí thì có cõi thật báo trang nghiêm, không có tập khí thì cõi thật báo cũng không còn. Thường tịch quang mới là thật. Vì sao vậy? Vì là vĩnh hằng bất biến. Nó không có tướng, ba loại hiện tượng đều không có. Chẳng những không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, đến hiện tượng tự nhiên cũng không có. Hiện tượng tự

nhiên này chính là Bồ Tát Di Lặc nói. Chúng ta đổi thành khoa học ngày nay nói, tần suất một phút có 1600 triệu lần chấn động. Hiện tượng tự nhiên cũng không còn, đây là vô tướng vô công.

“*Khoáng nhược hư không*”. Khoáng là không khoáng_không tịch, giống như hư không vậy. Đây là nói chân tâm, nói tự tánh. “*Trạm nhược đình hải*”. Trạm là trạm nhiên nói thanh tịnh của nó giống như đại hải vậy, đại hải này rất yên tĩnh, không có sóng gió, không có ô nhiễm. Đây là đình hải. “*Tâm thức vọng hoặc*”. Tâm thức chính là bát thức, vọng hoặc là vô minh_vô trí vô minh. “*Tịch nhiên bất khởi*”. Tám thức không khởi, đương nhiên tâm sở đi theo bát thức cũng không khởi, nghĩa là bát thức không còn, chuyển bát thức thành tứ trí, họ không còn mê hoặc. A lại da chuyển thành đại viên cảnh trí, Mạt na chuyển thành bình đẳng tánh trí, đệ lục ý thức chuyển thành diệu quan sát trí, tiền ngũ thức chuyển thành thành sở tác trí. Hoàn toàn là trí huệ, không còn khởi phân biệt chấp trước, tịch nhiên bất động. Đây gọi là vô sanh. Ai chứng được? Trong hội Hoa Nghiêm thì trên sơ trú Bồ Tát. Phật giáo Trung quốc, Thiên tông gọi là đã chứng được đại triệt đại ngộ minh tâm kiến tánh. Hạng người này vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là ở cõi thật báo trang nghiêm. Trong giáo môn gọi là đại khai viên giải. Trong Tịnh độ gọi là lý nhất tâm bất loạn. Danh xưng không giống nhau nhưng tất cả đều là cảnh giới này. Thật sự họ đã chứng được vô sanh pháp nhãn. Đây gọi là vô sanh.

“*Tiền thuyết*” những gì ở trước nói. “*Do thông chư địa*” không phải từ sơ địa bắt đầu nói sao? “*Hậu thuyết*”, hậu thuyết chính là ở đây nói. Trên ước hành mà nói ước pháp. Cũng chính là trong Di Đà Kinh Sớ Sao Liên Trì đại sư nói: “*duy bát địa sở chuyển*” trên bát địa mới chứng được_Bát địa. “*Cổ Tri Tịnh Ảnh Sớ trung chi vô sanh pháp nhãn*”. Nói về vô sanh pháp nhãn. “*Tức Di Đà Sớ Sao trung, Liên Trì đại sư ước hành chi vô sanh pháp nhãn*”. Tịnh Ảnh đại sư nói trên thất địa, Liên Trì sư nói là bát địa. Trên thất địa không phải chính là bát địa! Nên hai thuyết không trái nhau.

Trong Nhân Vương Kinh cũng nói vô sanh pháp nhãn là thất địa, bát địa, cửu địa, vô sanh pháp nhãn. Vì Kinh Nhân Vương nói ngũ nhãn, vô sanh pháp nhãn này là thứ tư, cao nhất gọi là tịch diệt nhãn đây là pháp thân Bồ Tát chứng được. Ở thất địa, bát địa, cửu địa, phân ra ba phẩm. Thất địa Bồ Tát chứng là hạ phẩm vô sanh pháp nhãn. Bát địa là trung phẩm, cửu địa là thượng phẩm. Thập địa chứng được không gọi là vô sanh mà gọi là tịch diệt. Thập địa Bồ Tát là hạ phẩm tịch diệt pháp. Đẳng giác Bồ Tát là trung phẩm tịch diệt pháp. Diệu giác quả vị là thượng phẩm tịch diệt pháp. Đây là trong Kinh Nhân

Vương nói, chúng ta đều có thể tham khảo. “*Chi u dư sự dị thuyết*”, còn có rất nhiều cách nói không giống nhau nhưng không ghi vào đây.

Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ khẳng định tư tưởng của Liên Trì đại sư. Tư tưởng trong Tịnh Ảnh Sớ của tiểu Huệ Viễn tương đồng với ý của Liên Trì đại sư. Đoạn cuối cùng là: “*bốn kinh tam nhãn*”, đây là ba loại nhãn. “*Dĩ âm hưởng nhãn vi thủ, nhu thuận nhãn thứ chi. Dị u Hiền Kiếp Kinh nhi đồng u Hoa Nghiêm Thập Nhãn Phẩm, cập Như Lai Hưng Hiến Kinh, Cựu Hoa Nghiêm Kinh thập nhãn*”. Cựu Hoa Nghiêm phiên dịch thời Đông Tấn chúng ta gọi là Tấn Kinh. Có 60 quyển gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm ở Trung quốc phiên dịch ba lần. Lần thứ hai là thời nhà Đường khi Võ Tắc Thiên chấp chính. Võ Tắc Thiên làm hoàng đế đã đổi quốc hiệu không gọi là Đường mà gọi là Chu. Kinh Hoa Nghiêm phiên dịch hoàn thành vào thời của Võ Tắc Thiên nên Kinh Hoa Nghiêm cũng gọi là Đại Chu Kinh. Khai kinh kệ là Võ Tắc Thiên viết. “*Vô thượng thâm thâm vi diệu pháp, bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ, ngã kim kiến văn đắc thọ trì, nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Viết quá hay. Về sau đời này qua đời khác chư vị tổ sư muốn viết thêm một bài kệ khai kinh khác, nhưng viết không hay bằng, cho nên đến nay vẫn dùng bài của Võ Tắc Thiên. Sau khi bà chết cũng bị người lật đổ, khôi phục nhà Đường. Con trai là Trung Tông hoàng đế nối ngôi là cháu của Đường Thái Tông.

Thập nhãn của Lục Thập Hoa Nghiêm, thứ nhất là âm thanh nhãn, thứ hai là thuận nhãn, thứ ba là vô sanh pháp nhãn, thứ tư tương đồng với ở đây, thứ tư là như huyễn nhãn. Ở sau nó có một giải thích đơn giản. Tất cả những điều này đều dạy chúng ta, đối với các pháp thế xuất thế gian nên có cái nhìn chính xác. Thật như thường nói tướng có tánh không, tánh là thể. Huyễn tướng giống như chúng ta hiện nay xem trên màn hình ti vi. Tướng có hay không? Có. Không thể nói nó không có. Nó có thật chăng? Không có thật. Nó không có thể, thể là không tịch. Trong kinh Kim Cang ví như mộng huyễn bào ảnh. Đức Phật nói cần phải quán như vậy. Đây là chánh tri chánh kiến. Nên chúng tôi nói quý vị có thể thưởng thức nhưng không thể khống chế vì sẽ không đạt được. Người thế gian coi nó là thật, không biết nó là giả, nên muốn khống chế, muốn chấp trước, ở đây tranh giành, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp.

Thực tế mà nói thì tạo nghiệp cũng không có thật, cũng là giả nhưng tạo những nghiệp này nó có quả báo. Quả báo của luân hồi lục đạo, quả báo của địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Quả báo cũng không có thật. Quý vị không biết nó là giả nên mới chịu khổ thật. Giống như nằm mộng vậy, khi nằm mộng không biết mộng là giả. Một con hổ muốn ăn chúng ta, sợ đến nỗi toát mồ hôi lạnh cả

người, từ trong mộng tỉnh lại thì ra chỉ là một giấc mộng. Nếu biết đây là mộng thì như các vị Bồ Tát vậy xả thân cho hổ ăn, không phải đã tu đại công đức rồi sao? Đích thực là như vậy. Đây mới là chân tướng sự thật. Nên dạy chúng ta phải thấy tất cả pháp như huyễn, Phật pháp cũng như huyễn, đừng coi Phật pháp là thật. Vì sao vậy? Phật pháp và thế gian pháp là pháp đối lập.

Thế gian pháp được ví như bị bệnh, Phật pháp là thuốc. Nếu bệnh không có thì thuốc cũng không có. Thuốc là vì bệnh mới có. Phật pháp là vì thế gian pháp mà có, làm gì có Phật pháp? Trong tự tánh thanh tịnh không lập một pháp nào cũng không xả pháp nào. Đây mới là viên dung. Ba loại hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên, nó khởi lên cứ để nó khởi, diệt thì tùy nó diệt. Chỉ cần ta đối với nó không khởi tâm, không động niệm thì tất cả đều bình thường. Đối với nó khởi tâm động niệm là sai, vì nó là giả không có thật. Khởi tâm động niệm là mê, phân biệt thì càng mê hơn, nếu chấp trước nữa thì quá thâm sâu, như vậy là sai.

Khi khởi tâm động niệm thì cõi thật báo xuất hiện. Cõi thật báo của Chư Phật Như Lai hiện ra, đó gọi là nhất chân pháp giới. Nếu khởi phân biệt thì xuất hiện tứ thánh pháp giới, tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới, lại khởi chấp trước thì lục đạo xuất hiện. Điều này chúng ta phải lý giải, chúng ta đoạn tận chấp trước thì lục đạo không còn. Từ trong lục đạo tỉnh lại, giấc mộng này đã tỉnh. Nếu đối với tất cả pháp không phân biệt là tỉnh dậy từ mười pháp giới, đây là thế gian pháp. Mười pháp giới và lục đạo đều gọi là pháp thế gian. Xuất thế gian pháp đó là cõi thật báo, cõi thật báo là tập khí vô trí vô minh, chính là khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm và tập khí của khởi tâm động niệm đều đoạn tận. Phật pháp cũng là giả, cũng không phải thật. Sau cùng như như bất động, bất sanh bất diệt là cõi thường tịch quang. Ở thường tịch quang cái gì cũng không có. Nó chẳng có gì nhưng không thể nói là không, vì sao vậy? Vì nó có thể hiện tướng nên gọi là chân như tự tánh. Tự tánh là tự thể của tất cả pháp. Chư vị nên biết, tất cả pháp vô lượng vô biên nhưng tự thể chỉ có một. Tự thể chính là chân tâm mà chân tâm chỉ có một cũng gọi là bản tánh. Phật giáo cũng gọi là pháp tánh chỉ có một. Cần phải thật chứng và thật minh bạch thì sẽ biết biến pháp giới hư không giới với mình có sự liên quan như thế nào? Một cái là tự tánh, một cái là pháp tánh. Không phải một nhà nhưng là một thể. Người trong một nhà còn có thể phân còn có anh có tôi. Pháp tánh không có, nó là chính mình, tất cả vạn pháp là chính mình. Nên lúc này tánh đức hiện tiền là từ bi. Từ bi chính là tình thương vô điều kiện. Gọi là đồng thể đại bi.

Vì sao có tâm từ bi này? Vì đồng thể. Vô duyên đại bi. Duyên là điều kiện, không có điều kiện. Đem đến an vui cho chúng sanh vô điều kiện. Giúp chúng sanh xa rời đau khổ cũng không có điều kiện vì là đồng thể. Giúp người khác chính là giúp mình, hại người khác cũng là hại mình. Vì sao hại người khác lại là hại chính mình? Vì mình và người là một không phải hai. Chúng ta hại họ, nếu họ cũng như mình chưa giác ngộ, thì sẽ như thế nào? Sẽ đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo không bao giờ dứt. Mình và người vĩnh viễn mê hoặc, mình và người vĩnh viễn tạo nghiệp, mình và người vĩnh viễn chịu khổ, hai bên đều chịu khổ. Mà còn như thế nào? Mà có khi còn liên lụy đến người khác, như vậy nghiệp ta tạo còn nặng nề hơn. Điều này trong lịch sử ghi chép rất nhiều.

Chư vị nên xem An Sĩ Toàn Thư, Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn. Quý vị xem đằng trước họ nói họ 117 đời làm sĩ đại phu phần tử tri thức có địa vị. Quý vị xem nghiệp mà họ tạo, quả báo của 117 đời. Sau đó gặp được Phật pháp mới giác ngộ mới hiểu. Hồi đầu thì oán hận mới hoá giải hết. Không học Phật pháp vĩnh viễn không biết, học Phật pháp mới thật sự có thể hoá giải. Nên nhất định phải biết, tất cả pháp như huyền như diệm. Diệm là ngọn lửa. Chúng ta đốt một cây sáo, thấy ngọn lửa của cây sáo như diệm. Đều là ví dụ, hoả diệm là vô thường. Nó không phải thật, nó là một loại tương tự tương tục.

Chúng ta dùng máy chụp ảnh. Máy chụp ảnh của ti vi, quý vị đi chụp sẽ phát hiện, “Như mộng”. Chữ mộng này trong kinh Đức Phật dùng nhiều nhất. Mỗi người đều có kinh nghiệm nằm mộng. Chư Phật Như Lai xuất hiện ở thế gian, đức Thế Tôn ứng hoá ở Ấn Độ, ngài trụ thế 80 năm. Ngày ngày giảng kinh giáo hoá gọi là “đại tác mộng trung Phật sự”, Ngài không coi thế giới này là thật nên tất cả cảnh giới trong mắt ngài, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh ngài đều trải qua, thiện duyên hay ác duyên đều đã gặp nhưng vẫn như như bất động. Ngài biết cảnh giới như mộng huyền bào ảnh, ngài làm tấm gương cho chúng ta noi theo.

“*Như hưởng*, hưởng là âm thanh phản hồi ở trước đã nói qua. Chúng ta ở bên vách núi hét to một tiếng, lập tức nghe được âm thanh phản hồi. “*Như ảnh*” chúng ta đứng dưới ánh sáng, trên thân có hình bóng. Bóng là giả không phải thật. “*Như hoá*” hoá là huyền hoá. Thứ mười là “*như không*” đích thực trong kinh Đức Phật nói, tất cả pháp “đương thể tức không, liễu bất khả đắc”.

600 quyển Kinh Đại Bát Nhã sau khi tôi xem qua một lần đã đề ra 12 chữ là tâm đắc của tôi: “nhất thiết pháp, tất cánh không, bất khả đắc”. Bộ kinh này

Đức Thế Tôn giảng suốt 22 năm. Bây giờ chúng ta nghĩ lại vì sao bộ kinh này phải giảng đến 22 năm? Quý vị nghe một hai lần không hiểu, nghe một trăm lần, hai trăm lần vẫn không nhập vào được cảnh giới, vẫn là chưa thể nào không được. Phải như cổ nhân thường nói là huân tu lâu ngày, “thâm nhập một môn, huân tu lâu ngày”.

Đức Phật giảng 22 năm, lặp lại vô số lần. Giúp thượng trung hạ căn ngộ nhập cảnh giới. Đây là thật tướng. Kinh Bát Nhã nói thật, không nói giả. Quý vị xem, trước khi học đại thừa học Bát nhã, nền tảng trước là 12 năm A hàm, 8 năm Phương Đẳng. Có nền tảng 12 năm rồi mới nói thật, nói vạn pháp đều là không, khiến chúng ta triệt để buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, ngộ nhập cảnh giới đại thừa. Chính là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Cuối cùng Pháp Hoa, Pháp Hoa là thành Phật. Pháp Hoa là nhất thừa pháp. Kinh Pháp Hoa đến cuối cùng tổng kết rằng: “Chư Phật Như Lai xuất hiện ở thế gian chỉ nói nhất thừa pháp, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói.” Nói cho chúng ta pháp đại thừa, tiểu thừa, nói cho chúng ta tam thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát là đức Phật phương tiện nói, không phải thật sự nói. Chân thật chỉ có Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Vô Lượng Thọ. Ở đây nói với chúng ta là chân thật, và Vô Lượng Thọ là chân thật trong các chân thật. Kinh này còn thâm sâu hơn Bát Nhã và còn thâm sâu hơn cả Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Nên kinh này là pháp khó tin, thật không giả chút nào.

Chúng ta có nền tảng của Kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm nên nhập vào cảnh giới Vô Lượng Thọ rất dễ. Vì sao vậy? Vì nó là tổng kết của Kinh Hoa Nghiêm cũng là nơi trở về của kinh Pháp Hoa. Chư vị cổ đức thời Tuỳ Đường nói rất hay: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều là dẫn đường của Vô Lượng Thọ. Dẫn chúng ta đi vào kinh Vô Lượng Thọ, cách nói này rất hay.

Khi tôi mới học Phật là đi vào từ con đường học triết học. Nên hoài nghi đối với pháp môn niệm Phật của Tịnh độ, cho rằng đây là pháp phương tiện của Phật, độ những người già không có tri thức. Dùng con mắt này để xem nó, coi thường nó, không muốn học. Theo thầy Lý mười năm, thầy hết lòng khuyên tôi, tôi đều không tiếp thu. Thầy bảo tôi xem Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Xem rất hay, tôi rất tán thán, tôi không còn coi nhẹ Tịnh độ, nhưng vẫn không chịu học. Thật tâm quyết định học Tịnh độ, là khi tôi giảng một nửa Kinh Pháp Hoa, là giảng Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Hoa Nghiêm giảng mới một nửa, đột nhiên trong lòng khởi lên một ý niệm, nhớ đến không biết Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn nào? Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn gì? Đoạn sau của kinh chưa nói đến, lật phía sau mới thoát nhiên đại ngộ. Văn

Thù, Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Còn dẫn 41 vị pháp thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng, đến thế giới Cực Lạc học với Phật A Di Đà. Từ đó tâm cung kính đối với Tịnh độ mới sanh khởi, mới lãnh ngộ được pháp môn này thật không thể nghĩ bàn. Hèn gì Chư Phật Bồ Tát đều nói là pháp khó tin, thật khó tin! Khó tin nhưng quý vị có thể tin. Chỉ có một câu có thể giải thích, trong quá khứ chúng ta từng tu pháp môn này, nên đối với Tịnh độ có thiện căn sâu dày. Chỉ có thể nói như vậy, tuyệt đối không phải ngẫu nhiên. Nếu trong quá khứ chưa từng học, ngày nay vừa tiếp cận đã tin tưởng, làm gì có đạo lý này?

Vô lượng kiếp trong quá khứ có thể chúng ta đã học kinh này rất nhiều lần, nhưng tự bản thân hiện tại không biết. Trong A lại da thức, trong kho tư liệu của A lại da thức có tài liệu, lần này đụng đến tài liệu cũ lại lật ra và nó lại kết nối. Đây gọi là thiện căn. Nếu không có thiện căn thì tuyệt đối không thể. Nên chúng ta đối với người sơ học không được coi thường, biết đâu trong quá khứ người ta tu còn tinh tấn hơn mình, thiện căn sâu dày hơn mình. Chúng ta tu một đời chưa chắc có thể vãng sanh, họ tu mấy năm thật sự được vãng sanh. Thiện căn phước đức sâu dày gặp duyên tự nhiên thuận thực. Chúng ta đời này cũng được coi là rất may mắn. Nếu không có sự giúp đỡ của kinh luận, chúng ta rất khó chấp nhận nhưng tiếp thu rồi phải thâm sâu hơn người khác một chút. Lý chúng ta đã rõ nên tiếp xúc rồi không có chút hoài nghi. Phương pháp tu hành chúng ta đã thấu hiểu, rõ ràng phương pháp. Thấu triệt y cứ lý luận của phương pháp này, lãnh hội một cách sâu sắc. Pháp môn này đặc biệt là công đức của danh hiệu không thể nghĩ bàn, vượt qua tất cả kinh mà Chư Phật Như Lai nói. Công đức tất cả kinh tích lũy lại đều không bằng danh hiệu Phật.

Đại thiên tai ngày nay có thể giải quyết chăng? Một câu Nam Mô A Di Đà Phật có thể giải quyết nhưng người ta không tin, thật sự không tin vì đạo lý quá thâm sâu. Nếu nói rõ ràng minh bạch đạo lý này thật không dễ. Chúng tôi cũng là vì thiên tai này, thời gian quá cấp bách nên dừng lại không giảng kinh Hoa Nghiêm, khai giảng bộ kinh này. Hôm nay vừa đúng một năm. Tết thanh minh năm ngoái bắt đầu giảng, hôm nay vừa tròn một năm. Đã giảng được một nửa, hơn 700 tiếng đồng hồ. Còn một nửa sau thì sao? Tôi xem ít nhất bộ kinh này phải 1200 tiếng. Có thể đến 1400 hoặc 1500 tiếng. Lần này giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. Thường xuyên nghe, tôi tin rằng ít nhất cũng làm tăng trưởng lòng tin, người không tin, nghe rồi sẽ tin, đã tin rồi thì niềm tin đó càng vững chắc hơn, không còn bị dao động.

“*Hựu Thập Nhân Phẩm viết*”. Đây là trong Lục Thập Hoa Nghiêm. “*Nhược văn chân thật pháp*”. Kinh Vô Lượng Thọ niệm Phật A Di Đà là chân thật trong các chân thật. “*Bất kinh bất bố bất úy, tín giải thọ trì. Ái dục thuận nhập, tu tập an trú. Thị vi đệ nhất tùy thuận âm thanh nhân*”. Tôi không làm được. Tôi theo thầy Lý mười năm, thầy không lúc nào không khuyên tôi, dùng nhiều loại phương tiện thiện xảo khuyên tôi. Thầy biết rõ tôi thích Hoa Nghiêm, thích đại kinh luận, không thích niệm Phật. Thật không dễ chút nào! Có rất nhiều người vừa nghe thầy nói liền tin, tôi rất khâm phục. Đúng là đại thiện căn, đại phước đức. Vừa nghe liền tin, thâm nhập một pháp môn, mười năm không thay đổi nên đã thành công, đã thành tựu. Một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, cư sĩ Hoàng Trung Xương bé quan ở Thâm Quyển hai năm mười tháng thì vãng sanh. Còn thiếu hai tháng là đủ ba năm. Đây thật sự là thiện căn sâu dày. Ông ta đã làm thí nghiệm. Nghe tôi giảng kinh nói rất nhiều người đều là ba năm thành tựu. Ông ta làm thí nghiệm xem ba năm có thể thành tựu chăng? Quả nhiên thành tựu. Như vậy có thể người ta nói sau khi thành tựu hoằng pháp lợi sanh tốt biết bao? Là tốt. Nhưng hoằng pháp lợi sanh cần phải có pháp duyên, họ thành tựu thì họ biết, ngày nay độ người khó, rất khó! Ngày nay độ quý dễ, quý dễ độ hơn người, họ nghe lời, họ biết khổ. Chúng ta nói độ khác loài chúng sanh dễ, độ súc sanh dễ, độ cây cỏ hoa lá, những sinh linh này dễ. Thần cây, thần núi, thần đất đều dễ độ. Độ người vô cùng khó khăn. Những sự thật này chúng ta đều biết.

Trong hoàn cảnh này, đến thế giới Cực Lạc để thành Phật trước là tuyệt đối chính xác. Sau khi thành Phật người thế gian này thật sự hồi đầu muốn tu hành, muốn hồi đầu. Họ có thể ở thế giới Cực Lạc và trở lại, lên thuyền từ trở lại độ chúng sanh. Họ ở thế gian này đã đến thế giới Cực Lạc, và có duyên với thế gian này_Phật không độ người vô duyên_nên nhất định trở lại đây là thành tựu. Thật sự thành tựu nhất định tùy duyên. Có duyên ở thêm vài ngày là chuyện tốt, không có duyên thì về thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà là việc tốt rất tốt.

Bên dưới lại nói: “*Thử Bồ Tát tùy thuận tịch tịnh, quán nhất thiết pháp bình đẳng chánh niệm. Bất vi chư pháp, tùy thuận thâm nhập, nhất thiết chư pháp thâm nhập. Trục tâm phân biệt chư pháp, tu bình đẳng quán. Thâm nhập cụ túc, thị vi đệ nhị thuận nhân*”.

Thuận nhân chính là nhu thuận nhân mà chúng ta đã nói trong đoạn kinh trước. Bồ Tát này tùy thuận tịch tịnh, tâm thường an trú trong tịch tịnh. Nói cạn một chút thì nhất định không có trôi nổi, tâm của họ là định. Trong thuận

cảnh không sanh tham luyến, trong nghịch cảnh không sanh sân nhuế. Họ có thể duy trì thanh tịnh bình đẳng, không bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Ngoại cảnh không thể làm ảnh hưởng đến họ.

Đây là công phu, hẳn là công phu thiên định, tương đương với công phu thiên định. Vì sao họ có định công như vậy? Ở dưới đã nói ra: “*quán nhất thiết pháp bình đẳng chánh niệm*”. “Quán” là nhìn thấu suốt. Họ đối với tất cả pháp đều nhìn thấu suốt. Tất cả pháp là pháp bình đẳng. Tất cả pháp không sanh là pháp bình đẳng, không sanh thanh tịnh nhiễm ô, không sanh thiện ác, không sanh chánh tà. Quý vị từ nhất niệm để xem thì tất cả pháp không sanh, nghĩa là ngay tại đây, không có quá khứ vị lai, không có tha phương hay thử giới. Dùng cách nói hiện nay thì không có thời gian và không gian. Thời gian và không gian là giả, không phải thật.

Thời gian và không gian từ đâu mà có? Từ phân biệt mà có. Rời phân biệt thì thời gian và không gian sẽ không còn, các nhà khoa học nói là không gian duy thứ. Không gian duy thứ từ đâu mà có? Vì sao trong thiên định có thể đột phá không gian duy thứ, không còn nữa? Từ đó chúng ta sẽ biết rằng, không gian duy thứ là từ phân biệt chấp trước sanh ra, buông bỏ phân biệt chấp trước thì không gian duy thứ cũng không còn. Các nhà khoa học đã chứng minh không gian duy thứ là tồn tại và rất phức tạp. Số lượng không có biên giới.

Ngày nay con người chúng ta sống trong không gian duy tâm. Không gian duy thứ càng cao, năng lượng càng lớn hơn chúng ta. Như loại kiến và những loại côn trùng bò bay cự động, những loại côn trùng cự động này chung sống là không gian duy nhị. Nó chỉ có dài rộng mà không có cảm xúc độ cao. Đều là từ phân biệt chấp trước mà sanh khởi. Đức Phật có thể biết rất nhiều việc. Ngài học từ đâu? Trong kinh nói, ngài đích thực có 12 năm tham học. 19 tuổi xuất gia, rời xa cuộc sống vinh hoa phú quý để ra đi tham học. Sống cuộc đời khổ hạnh tăng 12 năm. Thời Ấn Độ cổ, nghĩa là Ấn Độ đương thời tôn giáo vô cùng phát triển. Triết học Ấn Độ đứng đầu thế giới, ngài sanh ra trong hoàn cảnh này. Những bậc cao nhân này đều tu thiên định. Tứ thiên bát định, không phải phương pháp tu học Đức Thế Tôn sáng tạo mà là Bà la môn thời xưa truyền lại. Cổ Bà la môn so với Đức Thế Tôn sớm hơn ít nhất một vạn năm. Nên tôn giáo Ấn Độ đều tu tứ thiên bát định, các học phái của Ấn Độ cũng tu tứ thiên bát định. Những người này đối với tình hình trong lục đạo họ rất rõ ràng. Trên từ cõi trời phi tướng phi phi tướng xứ, dưới đến địa ngục A tỳ không có gì họ không biết. Nên họ biết là cảnh giới hiện lượng, chứ không

phải đứng về lý mà suy đoán, không phải. Là tận mắt nhìn thấy là tự mình tiếp xúc được, như vậy có thể giả được chăng?

Không phải chỉ một người có bản lĩnh này, mà người có bản lĩnh này rất nhiều. Tuy như vậy nhưng vấn đề không thể giải quyết. Lục đạo đã rõ, đã nhìn thấy, nhưng lục đạo từ đâu mà có? Vì sao có lục đạo? Ngoài lục đạo còn có thể giới chăng? Không ai có thể trả lời. Nên Đức Thế Tôn đem sở học 12 năm buông bỏ hết, nhập định dưới cây Tất Bát La, nhập sâu vào thiền định. A la hán định thứ chín, định thứ mười, mười một và cứ như vậy đi lên, chúng ta nghĩ đến cuối cùng là tự tánh bản định. Diệu giác quả vị chứng được tự tánh bản định, đại triệt đại ngộ, kiến tánh thành Phật. Tất cả pháp hoàn toàn thông suốt. Sau khi xuất định, vì Đức Phật thành đạo dưới cây Tất Bát La nên về sau cây này gọi là cây Bồ đề, để tưởng nhớ đến ngài, hiện nay cây bồ đề này vẫn còn.

Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy buông bỏ 12 năm học chính là buông bỏ sở tri chướng. Đức Phật nói chướng ngại có hai loại lớn, một là phiền não chướng, hai là sở tri chướng. 19 tuổi xuất gia, ngài thị hiện là vứt bỏ phiền não chướng đã buông bỏ. Buông bỏ sở học 12 năm, sở tri chướng xả bỏ tức là hai chướng đều đã buông. Minh tâm kiến tánh, chướng ngại không còn. Học quá nhiều cũng không tốt, học nhiều thì sở tri chướng càng sâu dày, nó chướng ngại sự khai ngộ, chướng ngại ta chứng quả. Vì thế chư vị cổ đức truyền lại là “thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”. Trong này có đạo lý rất to lớn!

Học tập là việc tốt nhưng đừng rơi vào sở tri chướng. Học là gì? Là tri thức, nó làm chướng ngại trí huệ, chướng ngại kiến tánh. Tri thức không thể giải quyết vấn đề, trí huệ mới có thể giải quyết vấn đề. Trí huệ từ đâu mà có? Từ giới định huệ. Chúng ta học một bộ kinh chính là trì giới, không học bộ thứ hai, đây gọi là trì giới. Một bộ kinh học ba đến năm năm sẽ được định, tâm không tán loạn. Khi đã ngộ thì những điều chưa học cũng thông suốt. Một kinh thông thì tất cả các kinh đều thông. Một pháp môn thông thì tất cả pháp môn đều thông, bình đẳng chánh niệm. Phương pháp này trong nhà Phật đã dùng 3000 năm, hiện nay con người không dùng nữa, không dùng nên rất loạn. Học phương pháp của khoa học phương tây. Phương pháp khoa học là tri thức không phải trí huệ. Phương pháp khoa học như các nhà lượng tử lực học hiện nay không tệ, hiếm có, họ cũng một lòng nghiên cứu mới có thành tựu như thế.

Ngày nay giới khoa học đều hướng đến hai cực đoan để phát triển, một là hồng quan vũ trụ, hai là lượng tử lực học, phát triển hai cực đoan này. Hồng

quan vũ trụ là quan sát thái không. Các nhà vật lý học, báo cáo của họ về hư không viết rất hay, họ nói rằng hiện nay máy móc khoa học thiên văn có thể quan sát được vũ trụ là đại vũ trụ. Trên thực tế chỉ là một phần mười của vũ trụ, còn lại chín phần không thấy. Quan sát vũ trụ không ngừng mở rộng, mở rộng đến biên giới nhưng không thấy, không nhìn thấy nữa. Họ nói là 90 phần trăm, có thể quan sát được mười phần trăm, còn 90 phần đó không thấy. Họ không biết nhưng chúng ta biết. Đây chính là Phật pháp cao hơn họ. 90 phần đó đi về đâu? Trở về với tự tánh. Trở về tự tánh thì tất cả hiện tượng đều không còn. Quý vị quan sát nhất định phải có hiện tượng, nhưng nó không có hiện tượng, nó không phải hiện tượng vật chất, không phải hiện tượng tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên, như vậy quý vị quan sát điều gì? Nên chúng ta biết, các nhà lượng tử lực học quan sát được là nguồn gốc của hiện tượng vật chất, là ý niệm biến hiện ra, ý niệm là hiện tượng tinh thần. Nguồn gốc của hiện tượng tinh thần nên giải thích như thế nào? Là bịa đặt. Cũng rất khó được, thật không dễ.

Phật pháp nói hiện tượng tinh thần này từ đâu mà có? Từ tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Nhưng tự tánh thanh tịnh viên minh thể chính là thường tịch quang nên nó không duyên đến được. Khi nào mới biết được nó? Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước thì sẽ thấy được. Chưa buông bỏ nó chướng ngại khiến chúng ta không nhìn thấy. Buông bỏ là nhìn thấy, các nhà khoa học chưa buông bỏ chỉ là dùng toán học và lý luận để phát hiện. Sau đó lại dùng máy móc tinh vi quan sát và chứng thực. Trong kinh Đức Phật nói rất hay, dùng phương pháp này để nghiên cứu vũ trụ. Lớn có thể quan sát đến biên tế của vũ trụ, nhỏ có thể thấy được A lại da nhưng A lại da từ đâu mà có họ lại không biết. Đây chính là dùng tâm ý thức. Tức là thức thứ sáu, cảnh giới nó duyên tới rất giới hạn, không duyên được tự tánh. Minh tâm kiến tánh nhất định không thể dùng ý thức.

“Quán nhất thiết pháp bình đẳng chánh niệm”, đây chính là chánh tri chánh kiến mà trong kinh Hoa Nghiêm nói. “Bất vi chư pháp”. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp ở trước đã nói nó thể của nó, tức là không. Tướng có tánh vô, sự có lý vô. Nó không chướng ngại sự. Chỉ cần không phân biệt, không chấp trước thì không có chút chướng ngại nào nên có thể tùy thuận. Trong hoàn Nguyên Quán nói tùy duyên. Tùy thuận chính là tùy duyên, tùy duyên thâm nhập. Có thể thấy được tất cả pháp nhưng vẫn thanh tịnh. Làm sao thấy được? Vì tâm thanh tịnh. Cảnh tùy tâm chuyển, tâm thanh tịnh thấy tất cả pháp đều thanh tịnh, tâm bình đẳng thấy mọi pháp đều bình đẳng, cảnh tùy tâm chuyển. Vì cảnh giới này đích thực là tâm sở hiện, tất cả pháp đều do tâm hiện. Tâm là

năng hiện, tất cả pháp là sở hiện. Nên tất cả pháp đang chuyển theo tâm. Nếu tâm chúng ta thiện thì cảnh giới thiện, nếu tâm ác thì cảnh giới ác.

Ngày nay địa cầu phát sinh vấn đề, khắp nơi đều là thiên tai. Đây là do nguyên nhân gì? Do tâm bất thiện. Có thể cứu địa cầu chăng? Có thể. Tiến sĩ Bồ Lai Đãng người Mỹ cũng nói là được. Cứu bằng cách nào? Ông ta đưa ra ba câu nói thật sự có thể cứu địa cầu. Thứ nhất là con người trên toàn thế giới bỏ ác làm thiện, chính là Phật pháp nói đoạn ác tu thiện. Câu thứ hai là cải tà quy chánh. Thứ ba là đoạn chánh tâm niệm. Ba câu 12 chữ này làm được thì xã hội được an định, thiên tai trên địa cầu không còn. Con người trên địa cầu này đông, nhưng tài nguyên lương thực không đủ dùng. Chúng ta biến chuyển tâm niệm, mong sao tài nguyên trên địa cầu không ngừng phong phú lên_cảnh tùy tâm chuyển. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Đây là nguyên tắc nguyên lý chỉ đạo cao nhất mà Đức Phật dạy. Nếu chúng ta có thể hiểu được, thật có thể ngộ nhập, có thể y giáo phụng hành thì làm gì có chuyện không hạnh phúc! Làm gì có chuyện không viên mãn! Thật có thể giải quyết vấn đề.

Tất cả chúng sanh trên thế giới đều giống như anh em chị em một nhà vậy. Sống hoà đồng, tương thân tương ái, hai bên cùng hợp tác. Như vậy thì thế giới Cực Lạc liền hiện tiền. Thế giới Cực Lạc thành tựu ra sao? Ở trước chúng ta đã học rất nhiều, là nơi các vị thượng thiện như câu hội, nó là thượng thiện thành tựu. Như vậy thế giới hiện tại của chúng ta có thể nói là cực ác tạo thành là phản diện của thập thiện. Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, tham sân si tạo quá nhiều. Nên thế giới này mới biến thành như vậy. Nếu chúng ta hồi đầu, thật sự thực hành không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ý ngữ, không tham sân si thì thế giới này lập tức được thay đổi_cảnh tùy tâm chuyển.

Phật pháp có thể cứu thế giới. Cứu thế giới thì trước phải cứu được nhân tâm. Không bắt đầu cứu từ nhân tâm thì không còn cách nào khác, vì cảnh tùy tâm chuyển. Cảnh là tâm biến hiện. Tâm chúng ta hiện tại là bất thiện nên biến hiện ra cũng bất thiện. Tâm thiện thì lập tức biến hiện ra điều là thiện. Thân thể nhiều bệnh là tâm bất thiện, nên tế bào biến thành độc bệnh. Nếu đã sửa đổi thành tâm thiện, những tế bào mang độc bệnh lập tức khôi phục bình thường, phục hồi bình thường tức là mạnh khoẻ. Chưa từng nghe nói có vị Phật Bồ Tát nào bị bệnh. Vì sao vậy? Vì các ngài tâm niệm đoạn chánh, không có tà niệm, không có ác niệm nên không bị bệnh.

Tham sân si, Đức Phật gọi nó là tam độc. Độc gì? Độc bệnh. Tất cả căn nguyên của độc bệnh là tham sân si. Thay đổi được những điều này, không tham, không sân, không si, như vậy là đã nhổ sạch tận gốc của mầm bệnh. Bệnh tật hay bệnh truyền nhiễm như thế nào cũng không thể nhiễm đến được. Vì sao vậy? Vì thân thể chúng ta không mang độc bệnh. Nếu mang độc bệnh sẽ dễ nhiễm, người không mang độc bệnh không nhiễm được. Hiện nay nói là miễn dịch, là miễn dịch viên mãn. Đây chính là đối với thân thể mình, thân thể cũng là cảnh giới, cảnh tùy tâm chuyển. Hoàn cảnh cư trú của địa cầu vẫn là cảnh tùy tâm chuyển, cho đến thái không, hệ tinh tú, hệ thái dương, hệ ngân hà đều đang tùy tâm chúng ta mà chuyển, đều tùy ý niệm chúng ta mà chuyển. Ý niệm thanh tịnh, ý niệm thiện thì tất cả đều chuyển thành tốt đẹp. Tâm hành bất thiện ta liền thấy thiên tai. Đây là thật không phải giả.

Đức Phật thường nói, chúng ta cũng đọc rất nhiều là “trú tâm nhất xứ vô sự bất biến”. Chúng ta đem tâm để một chỗ Phật A Di Đà. Thân thể tôi không tốt, tinh thần không tốt, niệm Phật A Di Đà sẽ tốt hơn.

Hoàn cảnh cư trú của chúng ta ngày nay quá nhiều thiên tai, chúng ta chệch tâm vào nơi Phật A Di Đà, nhất tâm niệm Phật A Di Đà thì nơi này không gặp thiên tai. Nên không tin là loại thứ nhất trong đại tùy phiền não. Không tin thì không còn cách nào khác. Thật tin, thật y giáo phụng hành thì nó thật khởi tác dụng, thật sự giúp ta giải quyết vấn đề.

“*Trục tâm phân biệt chư pháp*”. Phân biệt tức là không phân biệt. Phân biệt là gì? Mọi thứ đều rõ ràng, đây gọi là phân biệt. Như thế nào gọi là không phân biệt? Không có tâm phân biệt, đối diện các pháp nhưng không có tâm phân biệt, mọi thứ đều rất minh bạch, không có tâm phân biệt, không có chấp trước, không có chiếm hữu, không có không chế. “*Tu bình đẳng quán*”. Tu bình đẳng quán nếu không có cảnh giới thì bình đẳng này nên tu từ đâu? Trước nên tu bình đẳng quán trên người và việc, sau đó tu bình đẳng quán trên tất cả vạn pháp. Chính là thanh tịnh bình đẳng giác của đề kinh. Thanh tịnh là cảnh giới của A la hán. Bình đẳng là cảnh giới của Bồ Tát. Giác là cảnh giới của Đức Phật. Thanh tịnh bình đẳng giác là chân tâm của chúng ta, chính là Phật A Di Đà. Để Phật A Di Đà trong tâm. Về sự mà nói là Nam Mô A Di Đà Phật, về lý mà nói chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Lý sự là một không phải hai. Thanh tịnh bình đẳng giác nghĩa là có thể chuyển cảnh giới. Thanh tịnh bình đẳng giác có thể giúp xã hội và thật sự có thể giải quyết vấn đề.

Hôm trước tôi thấy một bạn đồng học tải một đoạn tin trên mạng. Chủ tịch Hồ Cẩm Đào tiếp kiến tổng thống nước Pháp tại Trung quốc. Hồ Cẩm Đào nói với ông ta: “chiến tranh không thể giải quyết vấn đề.” Đây là thật không phải giả. Lịch sử có thể làm chứng. Giải quyết vấn đề là gì? Thanh tịnh bình đẳng giác có thể giải quyết vấn đề, không có di chứng về sau.

Chúng ta cần phải tiếp thu, cần nên tin tưởng. Giáo dục văn hoá có thể giải quyết vấn đề. Trung quốc mấy ngàn năm đều dùng phương pháp này. Người ngoại quốc học lịch sử Trung quốc không có ai không khâm phục. Đất nước lớn như vậy, nhiều dân tộc như vậy, nhân khẩu đông như vậy mà mấy ngàn năm nay nền trị an rất lâu dài. Dựa vào điều gì? Dựa vào dạy học. Vì thế dạy học có thể giải quyết vấn đề.

Một đất nước, thật sự muốn trị vì quốc gia tốt, giải quyết vấn đề xã hội, giải quyết vấn đề thiên tai nên thực hành phương pháp giáo dục. Có thể bồi dưỡng năm sáu mươi vị thầy giáo giỏi, chuyên môn dạy truyền thống văn hoá. Quốc gia bồi dưỡng năm sáu chục vị nhân tài không khó. Dùng một kênh truyền hình để dạy học cho toàn quốc. Suốt ngày 24 tiếng không gián đoạn. Thầy giáo thay phiên dạy bất cứ lúc nào mở kênh này đều có thể học được giáo dục. Tôi tin rằng một năm là xã hội an định. Khi xã hội an định thì nơi này thiên tai sẽ giảm ít, nhất định mưa thuận gió hoà, ngũ cốc phong phú, quốc thái dân an. Thật có thể làm được!

Ba năm 2006, 2007, 2008. Chúng tôi làm thí nghiệm ở thị trấn Thang Trì Lô Giang An Huy. Ở đó trong vòng ba năm không có thiên tai, trong khi các vùng lân cận có thiên tai nhưng chỗ này không có. Thị trấn này có bốn vạn tám ngàn người, nhân tâm thật thà lương thiện, hiểu được hiểu thân tôn sư. Mọi người đều học Đệ Tử Quy, nam nữ già trẻ các ngành các nghề cùng nhau học. Thầy giáo dùng thân giáo dẫn đầu làm gương cho chúng ta thấy, đã dạy thành công. Không làm thí nghiệm mọi người không tin. Chúng tôi tham gia hội nghị hoà bình của Liên Hiệp Quốc đã viết nhiều bản báo cáo, báo cáo nhiều lần, mọi người nghe rất hoan hỷ nhưng không có lòng tin. Sau đó chúng tôi cùng ăn cơm nói chuyện, trong đó có vài người hỏi tôi, Pháp sư nói rất hay nhưng đây là lý tưởng không làm được. Như vậy là sao? Là bất tín trong đại tuỳ phiền não, như vậy thì không còn cách nào khác. Ép chúng tôi như thế nào? Không thể không làm thí nghiệm, tìm một nơi làm thí nghiệm làm ra mọi người mới tin được. Chúng ta có thể nói đây là đức của tổ tông.

Người Trung quốc dạy truyền thống văn hoá tuy đã lãng quên hơn 100 năm. Nhưng nền tảng sâu dày, vượt ra ngoài dự định của chúng tôi. Chúng tôi vốn nghĩ ở đây dạy học làm thí nghiệm cũng chưa nắm chắc. Các thầy giáo cùng nhau nghiên cứu, chắc cũng mất từ hai đến ba năm, khoảng thời gian đó mới có thể thấy chút hiệu quả. Không ngờ ba tháng hiệu quả vượt trội, chẳng ai không kinh ngạc. Sao lại như vậy! Các thầy giáo trình bày tình hình với tôi, tôi cũng giật mình. Con người sao lại dễ dạy như thế! Đáng tiếc chính là không ai dạy. Chúng mình lời các bậc cổ đức nói là tánh con người vô thiện. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là “nhân chi sơ tánh bản thiện”, đã chứng minh được điều này.

Bản tánh của người ác là thiện, không phải ác. Ác chỉ là mê hoặc nhất thời nên khi dạy họ lập tức hồi đầu, lương tâm đã thức dậy. Nên giáo dục rất hữu ích, có thể trị quốc bình thiên hạ. Vì thế người xưa thường nói thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Ở trước nó còn có hai nền tảng. Thứ nhất là cách vật_chấn chỉnh, dùng cách nói như hiện nay là buông bỏ dục vọng thì tâm mới được thanh tịnh. Cách là cách đấu_vật lộn. Đấu với ai? Đấu với dục vọng của chúng ta. Lương tâm và dục vọng đấu với nhau. Chiến thắng dục vọng, tôn sùng đạo đức. Mục đích trước sau là cầu học. Không có chân thực học vấn thì không làm được gì cả.

Người có dục vọng nhiều thì rất khó thành tựu đức hạnh và học vấn đó là chướng ngại, nên việc đầu tiên là buông bỏ dục vọng, tiết dục tâm thanh tịnh, như vậy thì học nghiệp và đạo nghiệp rất dễ thành tựu. Vì thế dạy học không khó. Chúng tôi tìm không ra chỗ thí nghiệm. Tôi rất muốn tìm một quốc gia để làm thí nghiệm. Người lãnh đạo quốc gia cần phải đồng ý tư tưởng này của chúng tôi, mời năm sáu mươi vị giáo sư chuyên môn học tập truyền thống văn hoá. Học tập luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo. Dùng cách dạy từ xa, mỗi ngày dùng ti vi, dùng mạng internet để phát chương trình. Là bài học giáo dục của Thánh hiền. Trên kênh truyền hình có thể dùng tựa đề là_bài học giáo dục của thánh hiền.

Trước đó, khi tôi phỏng vấn ở Trung quốc. Ông Trần Đại Hội tìm tôi đến phỏng vấn, làm một bài phỏng vấn, đề mục là “Đồng lòng cứu vãn nguy cơ”. Sau đó ở HongKong cũng làm một lần_tập hai. Năm ngoái, hình như ở Malaysia chúng tôi cũng làm một lần tại Kiệt Long Ba. Đại khái là ghi âm được bảy tiếng. Đặt đề mục cho nó là “Đồng lòng cứu vãn nguy cơ tập ba”. Việc này Mã Cáp Địch biết, ông là cựu thủ tướng trước đây. Ông giúp chúng tôi đổi tên thành “Giáo dục cứu vãn nguy cơ”. Đổi rất hay “Giáo dục cứu vãn

nguy cơ” lại càng rõ ràng hơn. Tôi hợp tác với ông ta. Tôi nói giáo dục hiện nay giáo dục nhà trường quá nhiều. Giáo dục gì? Ở trước cần phải thêm hai chữ Thánh hiền giáo dục, “giáo dục Thánh hiền cứu vãn nguy cơ”. Lúc đó ông ta mới đi phỏng vấn nước ngoài về nên hơi mệt nếu không thì ông ta đã tham gia. Tôi nói lần sau, lần sau có cơ hội chúng ta cùng nhau bàn luận về vấn đề này.

Đích thực nếu chúng ta quay lại giáo dục thánh hiền thì xã hội được cứu, thế giới được cứu. Người phương tây nghĩ phương pháp này là lợi dụng chiến tranh, vũ lực, không giải quyết được vấn đề. Tư duy đó là sai lầm. Tiên sĩ Thang Ân Tử nói học thuyết Khổng Mạnh, không có ai phản đối. Các dân tộc khác, tôn giáo khác nhau tôi đều tiếp xúc và đưa ra vấn đề này không ai phản đối. Học thuyết Khổng Mạnh là gì? Tôi đưa ra bốn chữ “nhân nghĩa trung thứ”. “Nhân” là thương người. Tôi thương mình cũng thương người khác, suy bụng ta ra bụng người nên không ai phản đối. “Nghĩa” là gì? Nghĩa là hợp lý, tư tưởng, hành vi hợp tình, hợp lý, hợp pháp thì mọi người đều tán thán. “Trung” là gì? Trung là ở giữa, không thiên lệch, không tà nguy gọi là trung. Chúng ta dùng tâm không thiên lệch không tà nguy để xử sự đối nhân tiếp vật. “Thứ” là gì? Hiện nay con người lãng quên giáo dục truyền thống và giáo dục thánh hiền hơn 100 năm nay. Tâm không có nơi trở về, không nơi nương tựa nên làm rất nhiều điều sai trái. Đối với những người tạo những tội nghiệt này ta nên dùng tâm như thế nào? Tha thứ cho họ. Như Phu Tử nói “thành sự bất thuyết”. Họ đã làm rồi không nên nhắc lại. “Toại sự bất gián”, không phải việc tốt, họ nhất định sẽ làm thành công, không nên khuyên họ. “Ký vãng bất cứu”, việc đã qua thì nên bỏ qua. Như vậy tâm mọi người đều an định lại. Vì sao vậy? Chưa tiếp thu giáo dục luân lý đạo đức nên họ không biết, không hiểu. Bây giờ chúng ta bắt đầu cùng nhau học tập, dù có làm việc sai lầm đến đâu cũng nên bỏ qua hết, không nên truy cứu. Đây là đạo thứ tha, như vậy tốt chẳng? Nhiều người nghe đều khen là tốt, phương pháp này rất tốt. Trong an định khôi phục sự êm ấm, hồi phục luân lý. Khôi phục giáo dục đạo đức phải từ trong sự an ổn. Nếu nói truy cứu thì dùng trừng phạt, như vậy xã hội sẽ loạn. Không phải là phương pháp tốt, nhất định phải dùng tha thứ.

Chúng ta làm sai, hy vọng người khác tha thứ. Thì chúng ta cũng nên nghĩ rằng người khác làm sai, chúng ta cũng nên tha thứ cho họ. “Chân thành từ bi” của đại thừa Phật pháp với “nhân nghĩa trung thứ” ý nghĩa giống nhau. Tiên sĩ Thang Ân Tử đã nói, giải quyết vấn đề xã hội hiện tại, ông ta đề xuất học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa. Trong học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa chúng ta tìm ra bốn chữ. Tám chữ là có thể giải quyết vấn

đề, bất luận là vấn đề cá nhân, vấn đề gia đình, vấn đề công ty hay vấn đề của toàn xã hội. Tám chữ này có thể giải quyết tất cả.

Không thể dùng trừng phạt, không thể dùng luật pháp, không thể dùng quân đội. Những thứ đó càng làm càng tội tệ. Nó như bác sĩ trị bệnh. Cần phải biết nguyên nhân của bệnh. Biết được nguồn gốc của bệnh thì tùy bệnh mà cho thuốc.

“Nhân nghĩa trung thứ, chân thành từ bi”, liều thuốc này rất có hiệu quả. Tinh tấn tu tập, vấn đề mới thật sự được giải quyết. Chúng tôi cũng muốn ở đây tìm một mảnh đất để xây dựng một thôn nhỏ, thị trấn nhỏ, chúng ta đến làm thí nghiệm, nghĩa là dùng tám chữ này. Trong thị trấn nhỏ này mọi người cùng nhau sinh hoạt, mỗi người đều thực hiện tám chữ này. Siêng năng hành trì Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, nghĩa là dùng ba loại này để thể hiện “nhân nghĩa trung thứ”, thể hiện “chân thành từ bi”. Làm tấm gương tốt cho thế nhân noi theo. Điều này không khó.

Đầu tiên chúng ta cần phải mời chư vị đồng học của Tịnh độ. Mọi người cùng nhau học Phật, nghe kinh, niệm Phật cũng mấy năm nay, khi tuổi lớn về hưu, mọi người sống cùng nhau. Trước là thành lập một thôn nhỏ, về sau người nhiều từ từ trở thành một thị trấn nhỏ, người nhiều hơn nữa thì trở thành thành thị, người sống trong này sẽ thực hành tám chữ này.

“Tu bình đẳng quán, thâm nhập cụ túc, thị vi đệ nhị thuận nhân. Thử tức nhu thuận nhân dã”. Trong kinh này nói là “nhu thuận nhân”. Bên dưới là nói vô sanh pháp nhân.

Hết giờ rồi, đoạn này chúng ta để lại ngày mai tiếp tục học. Hôm nay chúng ta chỉ học đến đây.

Hết tập 362